



lǐng zi
领子

noun · collar (of clothing)

Example Sentences

Zhè jiàn chèn shān de lǐng zi hěn yìng
这件衬衫的领子很硬。

The collar of this shirt is very stiff.

Tā bǎ lǐng zi fān qǐ lái dǎng fēng
他把领子翻起来挡风。

He turned up his collar to block the wind.

Trace each character, then write the word on your own.

领	领	领	领	领	领	领	领	领	领	领
领	领	领								

子	子	子	子	子	子					
